

Số: /QĐ-UBND

Phú Thái, ngày 16 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ
cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện
dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư phía Đông, ven đường tránh
cầu An Thành, Xã Kim Anh, huyện Kim Thành**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai ;

Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03/9/2026 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH của Quốc hội; áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai và một số nội dung liên quan trên địa bàn thành phố; và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2747/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Dự án

đầu tư xây dựng Khu dân cư phía Đông ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh, huyện Kim Thành;

Căn cứ Quyết định số 2765/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Hải Dương (cũ) về việc Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư phía Đông ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh, huyện Kim Thành của Công ty TNHH Tập đoàn Hưng Thịnh;

Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2017 UBND huyện Kim Thành về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư phía Đông ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh, huyện Kim Thành;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư phía Đông ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh, huyện Kim Thành;

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/2/2026 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 349/TTr-KT ngày 16 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng Khu dân cư phía Đông, ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh huyện Kim Thành bao gồm:

1. Phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư phía Đông, ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh huyện Kim Thành.

1.1. Tổng diện tích đất thu hồi: 5835,0 m² (Đất nông nghiệp - LUC, CLN)

1.2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 08 hộ gia đình, cá nhân.

1.3. Bồi thường diện tích đất nông nghiệp: 653.220.000 đồng. Trong đó:
- Đất chuyên trồng lúa (LUC)

2.349,0 m² (LUC) x 100.000 đồng/m² = 234.900.000 đồng.

- Đất trồng cây lâu năm (CLN):

$3.486,0 \text{ m}^2 \text{ (CLN)} \times 120.000 \text{ đồng/m}^2 = 418.320.000 \text{ đồng}$

1.4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 3.266.100.000 đồng.

1.5. Hỗ trợ ổn định đời sống: 82.620.000 đồng. Trong đó:

- Hộ gia đình thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp:

$02 \text{ khẩu} \times 3 \text{ tháng} \times 30\text{kg gạo} \times 12.750 \text{ đồng} = 2.295.000 \text{ đồng.}$

- Hộ gia đình thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp:

$13 \text{ khẩu} \times 6 \text{ tháng} \times 30\text{kg gạo} \times 12.750 \text{ đồng} = 29.835.000 \text{ đồng.}$

- Hộ gia đình thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp:

$11 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 30\text{kg gạo} \times 12.750 \text{ đồng} = 50.490.000 \text{ đồng.}$

1.6. Hỗ trợ ổn định sản xuất: 195.966.000 đồng.

1.7. Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu trên đất: 1.382.840.000 đồng.

Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 5.580.746.000 đồng.

(Bằng chữ: Năm tỷ, năm trăm tám mươi triệu, bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)

1.8. Tiến độ thực hiện phương án: Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ có hiệu lực thi hành, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 08 hộ gia đình có đất thu hồi và tài sản trên đất.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao các cơ quan tổ chức có liên quan thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Phòng kinh tế xã phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã và nhà văn hóa thôn nơi có đất thu hồi.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được UBND xã phê duyệt đến các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

3. Các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo Quyết định này.

4. Văn phòng HĐND & UBND xã có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Chủ tịch Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã; Trưởng các phòng: Kinh tế; Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT: ĐU, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- HD, BT, HT, TĐC xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phúc Công

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CÂY CỐI HOA MÀU
TRÊN ĐẤT ĐỂ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG,
VEN ĐƯỜNG TRÁNH CẦU AN THÀNH, XÃ KIM ANH, HUYỆN KIM THÀNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2026 của UBND xã Phú Thái)

STT	Số PA	Họ và tên	Diện tích thu hồi (m2)	Bồi thường đất (đ)	HT đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SX NN (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống (đ)	Hỗ trợ ổn định sản xuất (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu (đ)	Tổng cộng (đ)
1	2	Lê Văn Trạch	2.592,0	311.040.000	1.555.200.000	36.720.000	93.312.000	1.357.730.000	3.354.002.000
2	2a	Lê Văn Trạch (đại diện cho ông Đoàn Văn Trung đã chết)	769,0	92.280.000	461.400.000	-	27.684.000	-	581.364.000
3	2b	Lê Văn Trạch (đại diện cho bà Vũ Thị Thù đã chết)	125,0	15.000.000	75.000.000	-	4.500.000	-	94.500.000
4	5	Bùi Văn Thùy	456,0	45.600.000	228.000.000	13.770.000	13.680.000	4.560.000	305.610.000
5	6	Bùi Xuân Thụy	238,0	23.800.000	119.000.000	6.885.000	7.140.000	2.380.000	159.205.000
6	7	Phùng Thị Hợp	673,0	67.300.000	336.500.000	18.360.000	20.190.000	6.730.000	449.080.000
7	8	Trần Văn Trọng	135,0	13.500.000	67.500.000	2.295.000	4.050.000	1.350.000	88.695.000
8	10	Nguyễn Văn Giang	847,0	84.700.000	423.500.000	4.590.000	25.410.000	10.090.000	548.290.000
Tổng tiền			5.835,0	653.220.000	3.266.100.000	82.620.000	195.966.000	1.382.840.000	5.580.746.000